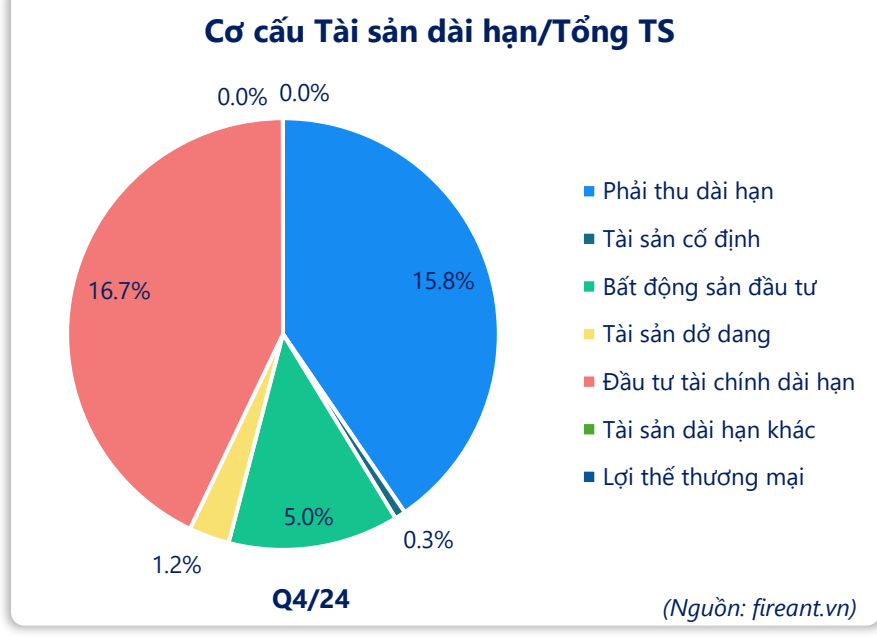
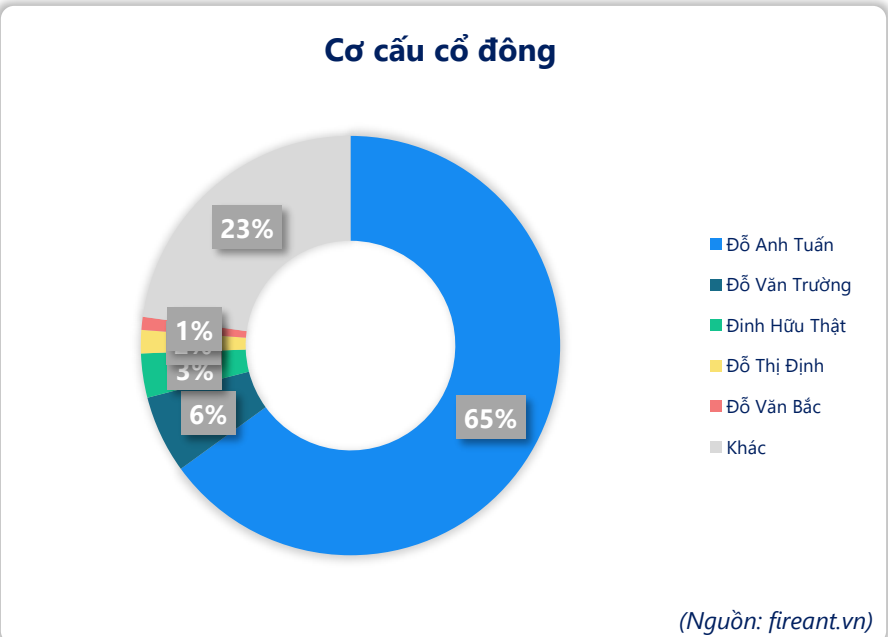
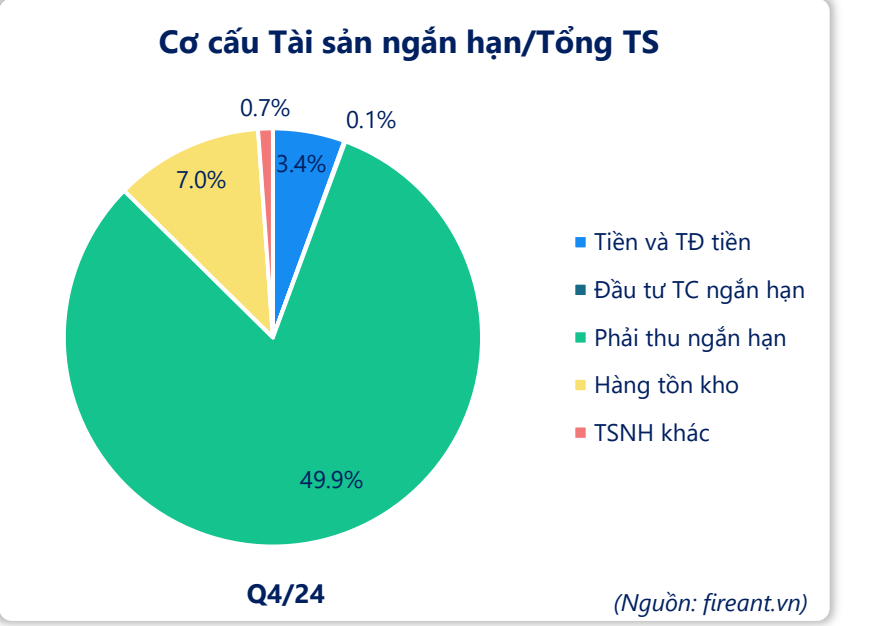
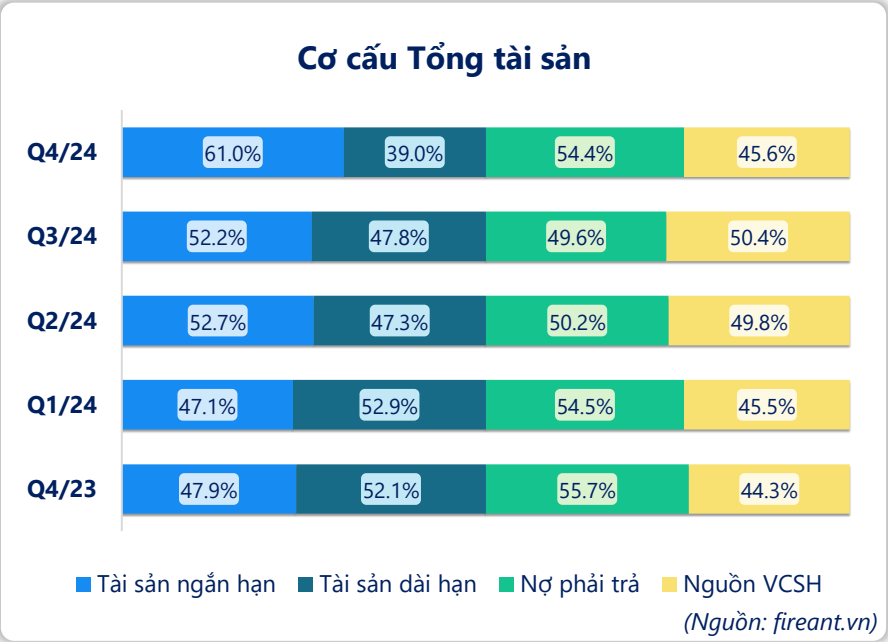
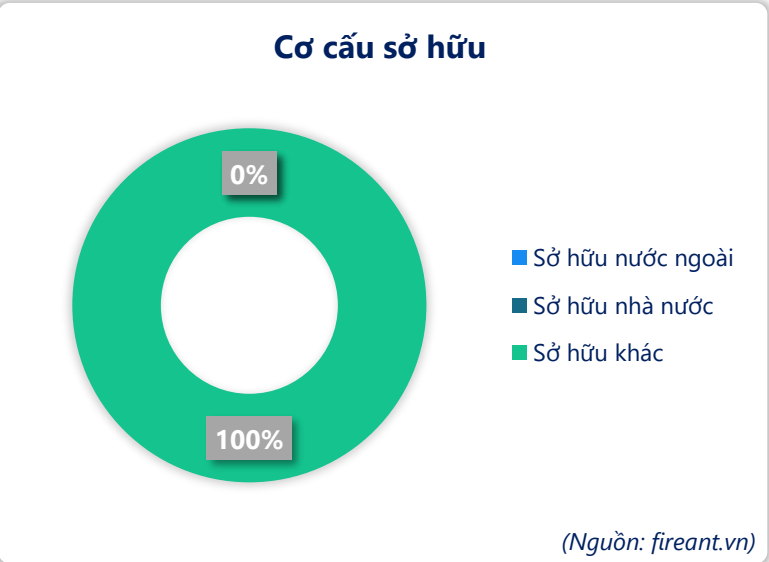
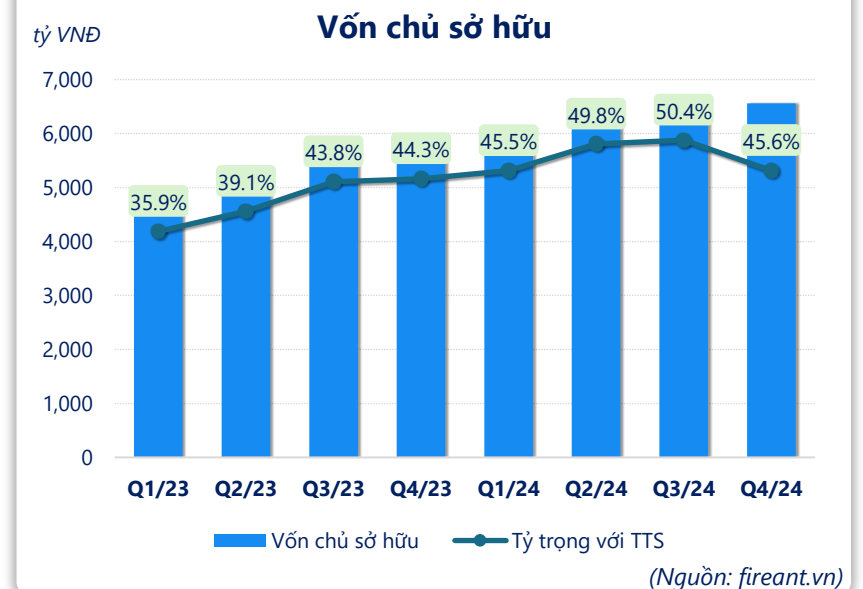
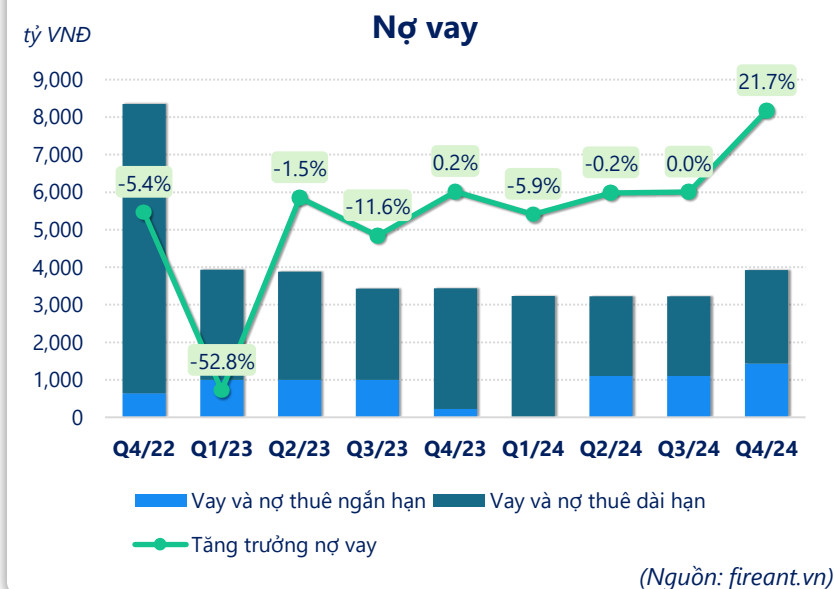
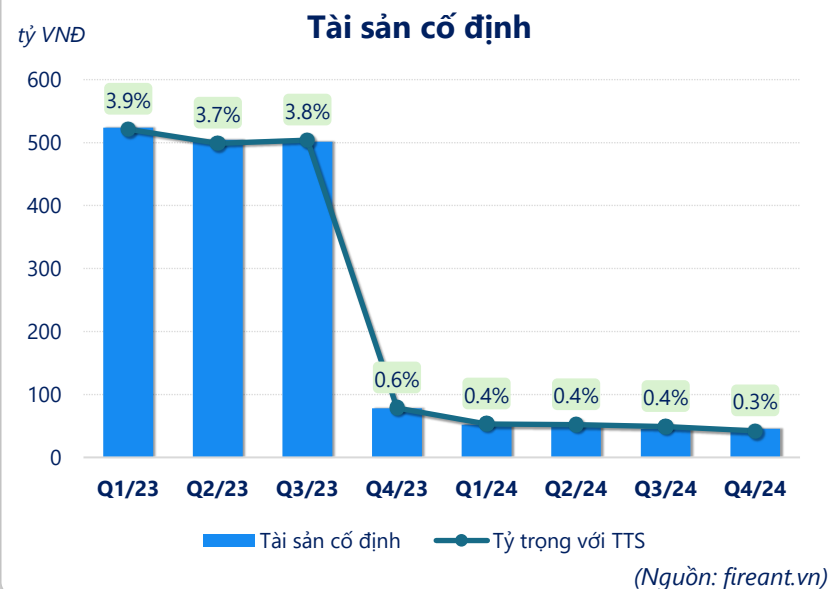
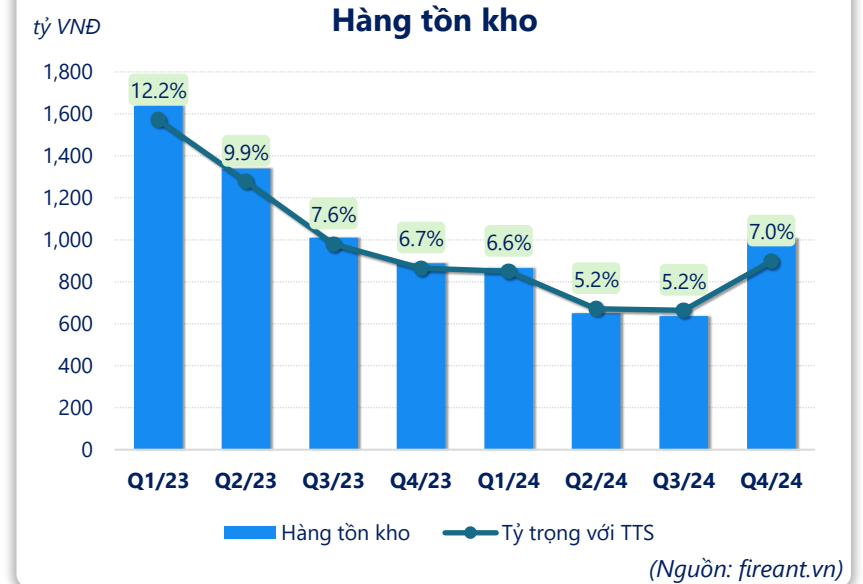
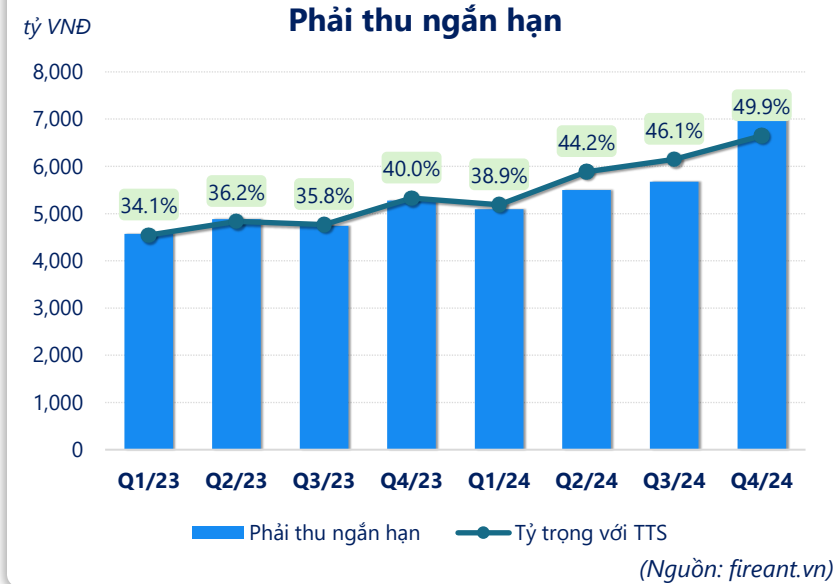
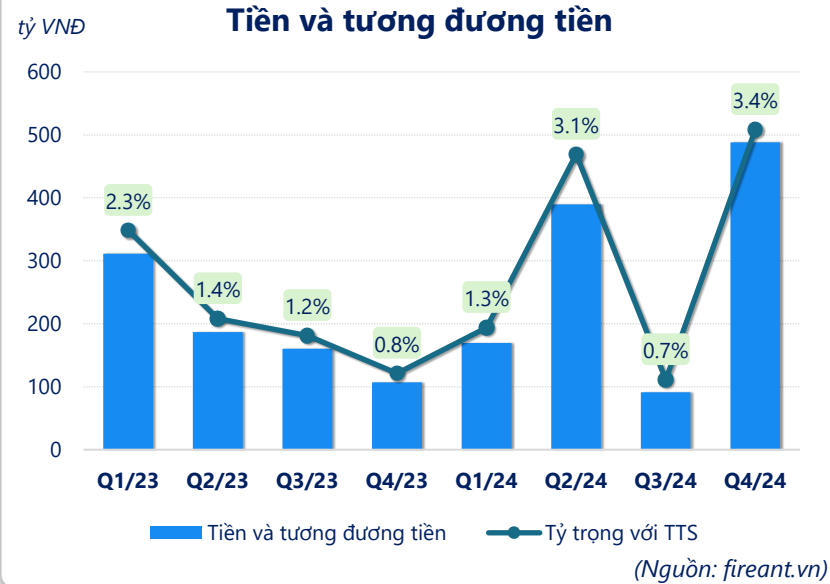
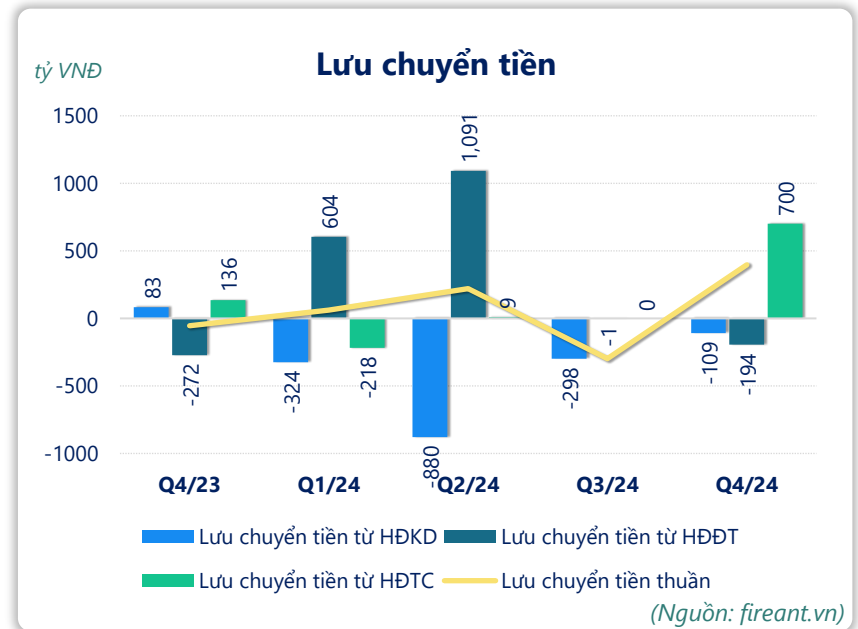
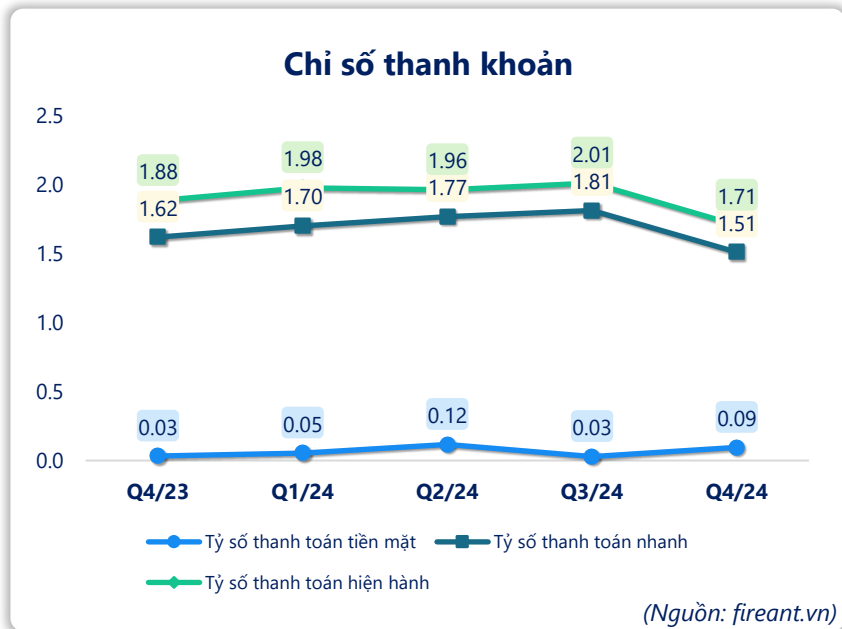
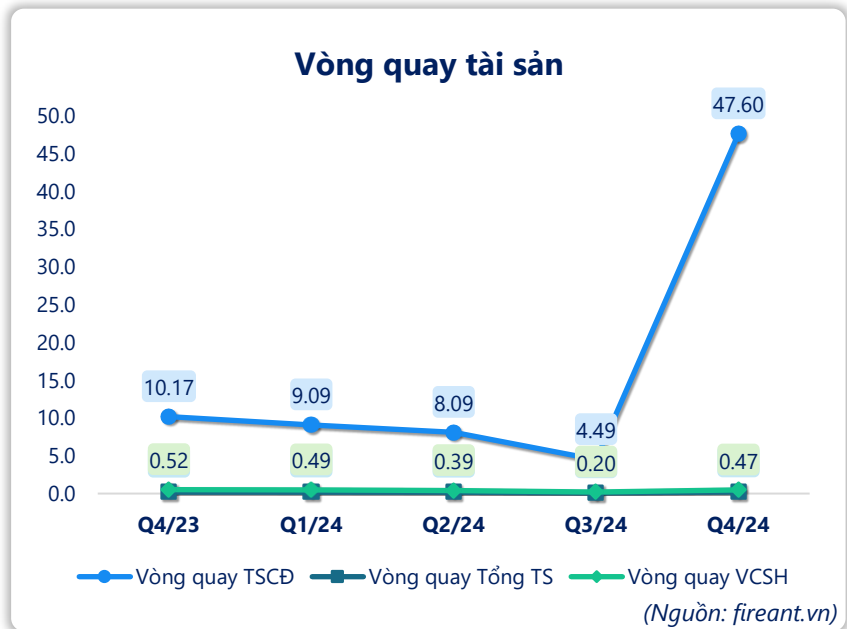
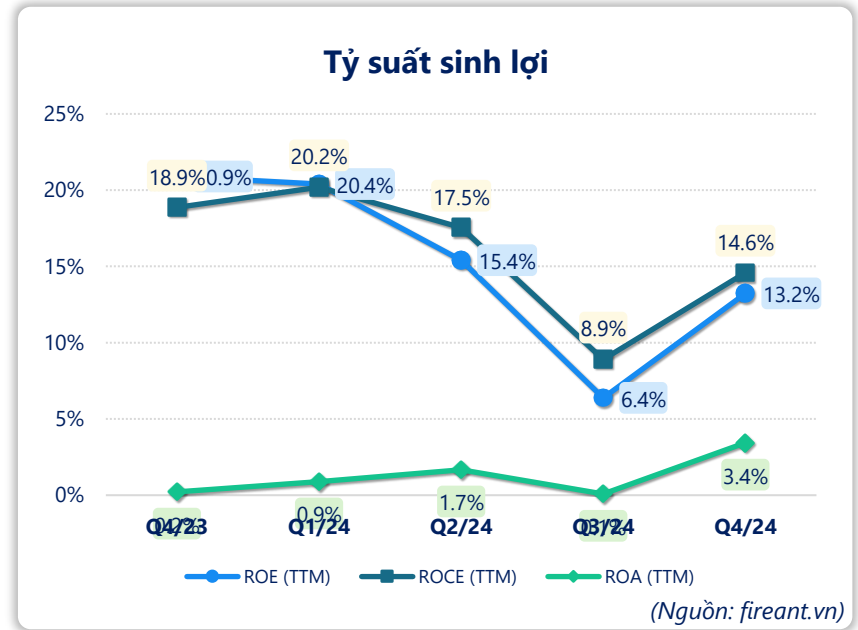
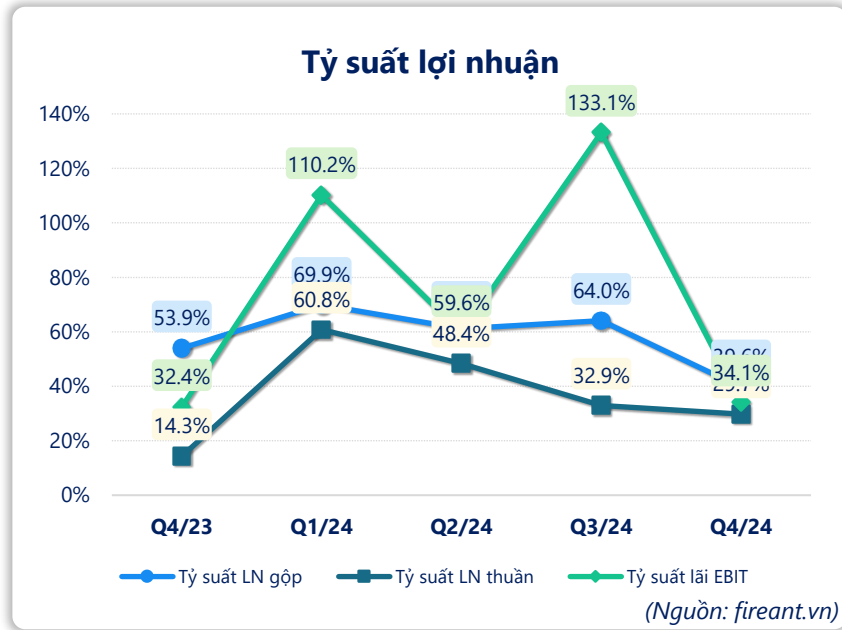
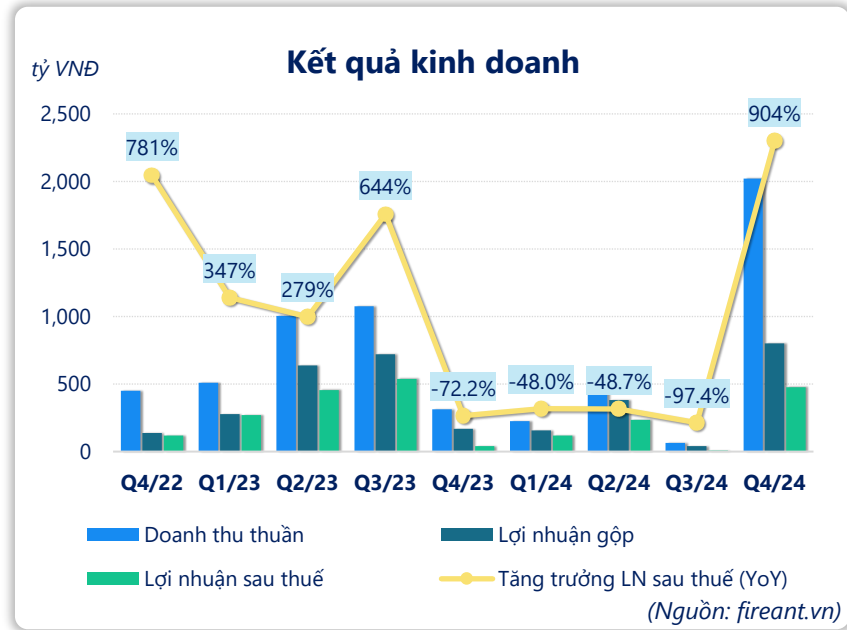


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		67,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		70,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		64,200
SL cổ phiếu LH		375,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		53,415
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		25,125
P/E		30.6
EPS		2,188

	YTD	1T	3T	6T
SSH		0.4%	-0.7%	-3.2%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	14,403	13,201	9.1%
Tài sản ngắn hạn	8,784	6,323	38.9%
Tiền và tương đương tiền	488	107	357%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.38	7.03	5.0%
Phải thu ngắn hạn	7,182	5,275	36.2%
Hàng tồn kho	1,007	889	13.3%
Tài sản ngắn hạn khác	100	46.1	117%
Tài sản dài hạn	5,619	6,878	-18.3%
Phải thu dài hạn	2,274	3,711	-38.7%
Tài sản cố định	45.5	77.7	-41.5%
Bất động sản đầu tư	718	625	14.9%
Tài sản dở dang	171	181	-5.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,411	2,283	5.6%
Tài sản dài hạn khác	0.55	0.12	343%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,841	7,360	6.5%
Nợ ngắn hạn	5,148	3,361	53.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,438	223	544%
Phải trả người bán ngắn hạn	485	326	48.7%
Nợ dài hạn	2,694	4,000	-32.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,489	3,211	-22.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,562	5,840	12.4%
Vốn chủ sở hữu	6,562	5,840	12.4%
Vốn điều lệ	3,750	3,750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	313	224	624	64.9	2,020
Giá vốn hàng bán	144	67.5	243	23.3	1,220
Lợi nhuận gộp	169	157	381	41.5	801
Doanh thu HĐTC	99.9	146	99.7	91.7	92.7
Chi phí TC	102	121	101	78.2	103
Chi phí lãi vay	49.2	96.2	76.8	75.0	89.0
LN trong công ty LKLD	-1.10	4.76	-5.21	2.80	-1.83
Chi phí bán hàng	82.3	19.3	43.7	7.17	139
Chi phí QLDN	38.8	30.1	29.1	29.3	49.1
LN thuần từ HĐKD	44.8	136	302	21.4	601
Lợi nhuận khác	7.34	14.7	-6.85	-10.0	-1.02
LN trước thuế	52.1	151	295	11.3	600
Lợi nhuận sau thuế	39.5	118	235	7.80	475
LNST của CĐ cty mẹ	36.9	118	217	10.6	474

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	82.6	-324	-880	-298	-109
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-272	604	1,091	-0.54	-194
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	136	-218	8.95	0	700
Tiền đầu kỳ	160	107	169	389	91.2
Lưu chuyển tiền thuần	-53.4	62.5	220	-298	397
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	107	169	389	91.2	488

(Nguồn: fireant.vn)